

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37/2025/DS-ST

Ngày: 20/6/2025

V/v Tranh chấp chia di sản theo di chúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Trần Văn Quân.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Tùng –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Khổng Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST- DS ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Xuân Q, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số H, ngõ I C, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt

- **Bị đơn:** Ông Lê Xuân T, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1949; địa chỉ: Số A, ngõ C, H, Đ, thành phố Hà Nội; bà N xin vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1952; địa chỉ: số nhà B, ngõ C, N, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Lê Xuân B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

4. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt

5. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1954; địa chỉ: số nhà E, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội; bà B1 xin vắng mặt.

6. Anh Lê Huy Q1, sinh năm 1999; địa chỉ: Số H, ngõ I C, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Huy Q1: Ông Lê Xuân Q, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số H, ngõ I C, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Xuân Q trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lê Văn C, sinh năm 1920, chết ngày 08/7/2015 và cụ Vũ Thị C1, sinh năm 1920, chết ngày 13/4/2016. Bố mẹ ông có 07 người con đẻ, không có con nuôi, không ai có con riêng gồm: Bà Lê Thị N; bà Lê Thị T1; bà Lê Thị B1; ông Lê Xuân B; ông Lê Xuân T; ông Lê Xuân Q và bà Lê Thị H.

Sinh thời bố mẹ ông là chủ sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m² đất ở, ngày 19/02/1998 đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành M 770760, sổ vào sổ 00640 – QI QSDĐ/452QĐ/UB mang tên hộ ông Lê Văn C. Trên thửa đất có 01 căn nhà ở lợp ngói 4 gian diện tích 95m², 01 nhà bếp diện tích 20m², 01 công trình phụ diện tích 35m², các công trình trên được xây dựng năm 1976.

Trước khi bố mẹ ông chết ngày 04/3/2014 bố mẹ ông có lập bản di chúc và bản di chúc này ngày 8/3/2014 đã được Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã T), huyện X, tỉnh Nam Định chứng thực theo quy định của pháp luật; Trong đó bản di chúc có viết: *Sau khi cả hai chúng tôi qua đời, toàn bộ số tài sản bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên chúng tôi để lại cho người con trai thứ ba là Lê Xuân Q và cháu nội tôi là Lê Huy Q1 được toàn quyền thừa hưởng khối di sản trên. Chúng tôi không để lại di sản thừa kế của chúng tôi nêu trên cho bất cứ ai khác. Vì vậy các con cháu khác của chúng tôi không được ai tranh dành và với con Lê Xuân Q và cháu Lê Huy Q1”.*

Sau khi bố mẹ qua đời, ngày 15/4/2024 hôm đó là ngày giỗ mẹ (cụ C1), anh em chúng ông đã họp gia đình để công bố bản di chúc của bố mẹ ông để lại. Trước khi có cuộc này, bản thân ông và hai chị gái ông là bà Lê Thị N, bà Lê Thị B1 đến nhà ông T và ông là người đã trực tiếp mời ông Lê Xuân T, sau đó ông

mời bà Lê Thị T1 tham gia cuộc họp công bố di chúc nhưng ông T, bà T1 từ chối không tham dự cuộc họp, còn những khác là con của cụ C, cụ C1 có mặt, mọi người đã được nghe ông Lê Xuân B thay mặt gia đình công bố bản di chúc và từng người một đã được đọc lại di chúc và cùng xác nhận đây là bản di chúc cuối cùng của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 mà anh chị em gia đình được biết. Sau khi biết rõ nội dung di chúc nêu trên, mọi người là con của cụ C, cụ C1 hoàn toàn không có tranh chấp khiếu kiện gì và di chúc này sẽ được giao lại cho ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1 để làm thủ tục nhận thừa kế theo quy định. Còn bà Lê Thị T1 trình bày là không biết di chúc của bố mẹ để lại là không đúng.

Tuy nhiên, đến thời điểm khi ông đi làm thủ tục nhận thừa kế theo quy định thừa đất và các công trình trên đất mà bố mẹ ông để lại cho ông và con trai ông thì ông Lê Xuân T gây khó khăn không để ông và con trai ông được nhận quyền thừa kế. Vì vậy, để thực hiện di nguyện của bố mẹ ông để lại, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, ông đề nghị Toà án nhân dân huyện Xuân Trường công nhận bản di chúc của bố mẹ là cụ C, chị C1 là hợp pháp và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn C và cụ bà Vũ Thị C1 theo di chúc lập ngày 04/3/2014 và đã được UBND xã X (nay là xã T) chứng thực ngày 08/03/2014 theo số chứng thực 01 quyển số 01/2014 TP/CC-SCT/DCTC để lại tài sản cho ông và con trai ông là hợp pháp. Ngoài bản di chúc này bố mẹ ông không còn bản di chúc nào khác nữa.

Bị đơn ông Lê Xuân T trình bày: Ông Q trình bày về quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình là đúng.

Khi bố mẹ ông mất đi có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 40, tờ bản đồ 06, diện tích 230m² đất ở, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 đứng tên người sử dụng là hộ ông Lê Văn C, trên đất hiện nay có công trình xây dựng 4 gian nhà cấp 4.

Việc bố mẹ ông có để lại di chúc trước khi mất hay không thì ông không nắm được, vừa qua khi Toà án gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì ông mới được biết. Tại cuộc họp gia đình về việc công bố di chúc thì ông không có mặt nên ông không nhất trí với biên bản này nên ông đã không ký vào biên bản.

Nay ông Q đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo di chúc của bố mẹ ông để lại thì ông cũng nhất trí. Đề nghị Toà án chia theo nội dung của di chúc bố mẹ ông để lại nhưng theo quan điểm của ông thì chia đều cho ông Q và cháu Q1, mỗi người $\frac{1}{2}$ di sản. Trước đây ông có trình bày thể hiện quan điểm đề nghị để lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất di sản của cụ C, cụ C1 để làm đất từ đường thờ cúng tổ tiên bố mẹ. Nay tại phiên toà ông không yêu cầu nữa, tôn trọng di chúc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lê Thị T1 trình bày: Khi bố mẹ bà còn sống, bố mẹ bà lập di chúc ngày 04/3/2014 bà và em trai bà Lê Xuân T không hề biết. Từ thời điểm bố mẹ bà lập di chúc cho đến nay, bà và em trai bà là Lê Xuân T cũng như chưa hề nhìn thấy bản di chúc của bố mẹ.

Bố mẹ bà sinh được 7 người con, bà là con gái thứ hai, khi bố mẹ bà còn sống, từ những năm bố mẹ bà còn khoẻ mạnh cho đến những năm già yếu và đến khi bố mẹ mất, vợ chồng bà và vợ chồng em trai là Lê Xuân T luôn là những người con hiếu thảo.

Toà án nhân dân huyện Xuân Trường cung cấp cho bà biên bản họp gia đình ngày 15/4/2024, trong biên bản chỉ có mặt 5 người. Như vậy là chưa đáp ứng được luật định về giải quyết việc thừa kế trong gia đình.

Việc họp gia đình ngày 15/4/2024 bà và em trai bà là Lê Xuân T không được mời, mặc dù hôm đó là ngày giỗ của mẹ (ngày 07/3/2024 âm lịch).

Bà đề nghị Toà án xem xét những việc nêu trên có thoả đáng với luật định và mối quan hệ cần thiết trong gia đình chưa.

Bà đề nghị có mặt đủ 8 thành viên trong đơn; phần nhà đất của bố mẹ bà cần thiết được giữ lại $\frac{1}{2}$ diện tích để xây dựng nhà thờ để thờ cúng bố mẹ bà.

Bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Xuân B, bà Lê Thị B1 đều trình bày: Ông Lê Xuân Q trình bày về bố mẹ quan hệ anh chị em trong gia đình là đúng; Trước khi cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 chết, hai cụ có để lại di chúc, thể hiện là tài sản của hai cụ để lại cho ông Lê Xuân Q và cháu nội là anh Lê Huy Q1 được thừa hưởng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai cụ để lại, các con cháu không được tranh dành. Các ông, bà tôn trọng di chúc của cụ Lê Văn C, Vũ Thị C1 để lại và không có ai đòi hỏi yêu cầu gì.

Kết quả xem xét thẩm định giá tài sản ngày 22/5/2025.

- Các công trình xây dựng nằm trên thửa đất của cụ Lê Xuân C2 và cụ Vũ Thị C1 để lại giá trị đã hết khấu hao.

-Về giá đất; Giá đất ở tại vị trí thửa đất diện tích 186m² theo giá thị trường là 16.000.000đ/m²

-Giá đất ở thửa đất 12m² theo giá trị trường là 3.500.000đ/m²

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã T.

* *Về quan hệ gia đình:* Ông Lê Xuân Q và ông Lê Xuân T là quan hệ anh em ruột với nhau.

Bố mẹ đẻ của ông Lê Xuân Q là cụ Lê Văn C, sinh năm 1920, đã chết ngày 08/7/2015 và cụ bà Vũ Thị C1, sinh năm 1920, đã chết ngày 13/4/2016. Cụ C và cụ C1 sinh được 7 con đẻ, không có con nuôi, không có con riêng gồm: Bà Lê

Thị N, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị B1, ông Lê Xuân B, ông Lê Xuân T, ông Lê Xuân Q, và bà Lê Thị H.

** Về nguồn gốc đất đang tranh chấp:*

Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1, là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 6 diện tích là 230m² đều là đất ở. Thửa đất này đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/02/1998, đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Lê Văn C.

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 22/5/2025: Diện tích đất tranh chấp thể hiện ở hai vị trí, vị trí thứ nhất có diện tích là 186m², vị trí thứ 2 có diện tích 12m²; tổng diện tích là 198m².

- Theo Bản đồ địa chính xã X lập năm 1987, Sổ mục kê ruộng đất năm 1987 và Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987, thì đất tranh chấp là thửa số 688, tờ bản đồ số 01, diện tích 252m² (đều là thổ cư), đứng tên chủ sử dụng là Vũ Chung.

- Theo Sổ mục kê ruộng đất và Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989, thì đất tranh chấp là thửa số 40, tờ bản đồ số 06, diện tích 230m² (đều là thổ cư), đứng tên chủ sử dụng là Lê Văn C.

- Theo Bản đồ địa chính xã X lập năm 1997 và Sổ mục kê ruộng đất năm 1997, thì đất tranh chấp là thửa số 40, tờ bản đồ số 23, diện tích 230m² (đều là thổ cư), đứng tên chủ sử dụng là Lê Văn C.

** So sánh bản đồ, sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất qua các thời kỳ với kết quả đo đạc:*

- So sánh bản đồ năm 1987, Sổ mục kê ruộng đất và Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 với Sổ mục kê ruộng đất và Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 thì diện tích đất tranh chấp giảm 22m² (252 – 230).

- So sánh bản đồ, Sổ mục kê và Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 với bản đồ, sổ mục kê ruộng đất lập năm 1997 thì diện tích đất tranh chấp giảm 22m² (252 – 230).

** So sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

- So với Bản đồ năm 1987 thì diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm 22m² (252 – 230).

- So với Bản đồ năm 1997 thì diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là như nhau 230m².

** So sánh kết quả đo đạc ngày 22/5/2025 với bản đồ qua các thời kỳ và GCN quyền sử dụng đất:*

- So với Bản đồ năm 1987 thì diện tích đo đạc thực tế giảm 54m² (252 – 198).

- So với Bản đồ năm 1997 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đo đạc thực tế giảm 32m² (230 - 198).

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đo đạc giảm 32m² (230 -198m²)

** Lý do diện tích tăng giảm diện tích qua từng thời kỳ:* Do sai số qua các lần đo đạc cũng như nhận lại mốc giới và trước đây giữa ông C3 và ông C tranh chấp về đất đai.

** Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn C là cấp theo đại trà.

** Về văn bản di chúc:*

Ngày 4/3/2014, cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị C4 có lập bản di chúc, nội dung là để lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Lê Xuân Q và cháu nội đích tôn là Lê Huy Q1 (con trai ông Q). Bản di chúc này đã được UBND xã X (nay thuộc xã T) chứng thực.

** Lý do xảy ra tranh chấp:* Do ông Lê Xuân Q và ông Lê Xuân T, anh em trong gia đình không thống nhất được phân chia di sản của cụ C, cụ C4 theo di chúc cụ C, cụ C4 đã lập.

Quan điểm của địa phương: Để đảm bảo tình cảm anh em trong gia đình đề nghị Tòa án tiếp tục tiến hành hòa giải để các bên đi đến thoả thuận, trường hợp các bên không thống nhất được với nhau thì căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 603, Điều 631, Điều 635, Điều 642 và Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 23, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 134 và Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; Đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Q đối với ông Lê Xuân T.

Công nhận di chúc của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 lập ngày 04/03/2014 là hợp pháp.

Công nhận ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1 được hưởng quyền thừa kế tài sản của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 theo di chúc lập ngày 04/3/2014.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Lê Xuân Q vì ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; Anh Lê Huy Q1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Để có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đánh giá như sau:

[3] Cụ Lê Xuân C2 và cụ Vũ Thị C1, sinh được 7 người con đẻ và không có con nuôi gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị T1; bà Lê Thị B1; ông Lê Xuân B; ông Lê Xuân T; ông Lê Xuân Q và bà Lê Thị H.

Sinh thời cụ C2 và cụ C1 có tạo lập và sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 6, diện tích 230m² (theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2025 thể hiện 2 vị trí; vị trí diện tích 186m²; vị trí diện tích 12m²; tổng diện tích 198m²) trên thửa đất này hai cụ đã xây dựng 01 căn nhà 4 gian cấp 4 cùng các hạng mục công trình khác (theo kết quả định giá ngày 22/5/2025) thì đã hết giá trị khấu hao. Thửa đất của hai cụ ngày 19/02/1998 đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn C.

Cụ Lê Văn C5 chết ngày 08/7/2015; cụ Vũ Thị C1 chết ngày 13/4/2016, trước khi cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 chết, hai cụ đã lập bản di chúc vào ngày 04/3/2014 và ngày 8/3/2014 đã được UBND xã X chứng thực di chúc theo quy định của pháp luật; trong đó di chúc của cụ C, cụ C1 viết thể hiện: “ Sau khi cả hai chúng tôi qua đời, toàn bộ số tài sản bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên chúng tôi để lại cho người con trai thứ ba là Lê Xuân Q và cháu nội tôi là Lê Huy Q1 được toàn quyền thừa hưởng khối di sản trên. Chúng tôi không để lại di sản thừa kế của chúng tôi nêu trên cho bất cứ ai khác. Vì vậy các con cháu khác của chúng tôi không được ai tranh dành và với con Lê Xuân Q và cháu Lê Huy Q1” .

Ông Lê Xuân Q cho rằng; Ngày 15/4/2024 ngày giỗ mẹ anh chị em trong gia đình đều có mặt, để thuận lợi có họp gia đình để công bố di chúc của bố mẹ, trước khi công bố di chúc của bố mẹ, ông Q đã mời ông T, bà T1 tham gia cuộc họp gia đình nhưng ông T, bà T1 không tham gia còn lại có mặt bà N, bà B1, là H, ông Q, ông B. Ông B là người trực tiếp công bố bản di chúc, sau đó anh chị em trong gia đình đều nhất trí và ký vào biên bản cuộc họp gia đình. Ông Lê Xuân T, bà Lê Thị T1 trình bày không được mời họp và không biết bản di chúc, trong khi đó bản thân ông T, bà T1 đều biết là bố mẹ có bản di chúc để lại tài sản cho ông Q và cháu Q1, bản thân ông T còn có ý kiến là tài sản của bố mẹ để

lại thì chia cho ông Q, cháu Q1 mỗi người $\frac{1}{2}$ đất đai. Như vậy, càng khẳng định là ông T đã biết việc này. Trong khi đó những người con khác của cụ C, cụ C1 không ai phản đối gì và đều nhất trí với di nguyện tôn trọng di chúc của bố mẹ để lại và khẳng định ngoài bản di chúc lập ngày 04/03/2014 duy nhất này ra thì cụ C, cụ C1 không còn bản di chúc nào nữa.

[4] Đánh giá về bản di chúc của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 lập ngày 04/03/2014. Về hình thức và nội dung của di chúc của cụ C, cụ C1 lập ngày 4/3/2014 và ngày 08/03/2014 đã được UBND xã X chứng thực là hợp pháp không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, trong đó nội dung của thể hiện là toàn bộ tài sản là thửa đất và tài sản gắn liền với đất của hai cụ để lại cho ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1. Như vậy ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1 là người được thừa hưởng.

Bà Lê Thị T1 đề nghị để lại $\frac{1}{2}$ đất của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 làm đất từ đường thờ cúng tổ tiên bố mẹ là không phù hợp, trái với ý chí của người để lại di sản và đã được thể hiện trong bản di chúc. Do vậy, yêu cầu bà T1 không được chấp nhận. Ông T không yêu cầu nữa là phù hợp.

[5] Từ những phân tích lập luận đánh giá ở trên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Q.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Lê Xuân Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX sẽ miễn phí liên quan đến ông Q được $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo di chúc. Còn anh Lê Huy Q1 phải chịu án phí liên quan đến $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản được hưởng theo di chúc; (vị trí $6m^2 \times 3.500.000đ = 21.000.000đ$; vị trí $93m^2 \times 16.000.000đ = 1.488.000.000đ$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 603, Điều 631, Điều 635, Điều 642 và Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 134 và Điều 137 của Luật đất đai năm 2024.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Q đối với ông Lê Xuân T.

Công nhận di chúc của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 lập ngày 04/03/2014 là hợp pháp.

Công nhận ông Lê Xuân Q và anh Lê Huy Q1 được hưởng quyền thừa kế tài sản của cụ Lê Văn C và cụ Vũ Thị C1 theo di chúc lập ngày 4/3/2014.

Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến quyền thừa kế tài sản theo quyết định của bản án

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí cho ông Lê Xuân Q.

Buộc anh Lê Huy Q1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 57.690.000đ (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng*)

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện ;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND xã
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Xuân Thùy Phạm Kim A

Phạm Ngọc L

